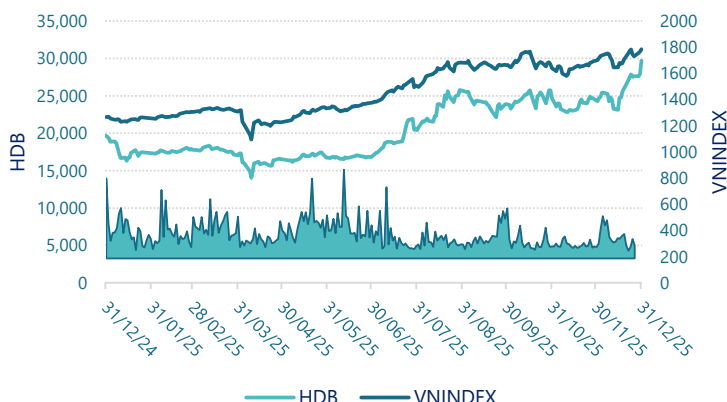


Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: HDB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,033
SL cổ phiếu LH	5,005,276,323
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,529,395
% sở hữu nước ngoài	23.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	148,657
P/E	9.0
EPS	3,297

DT thuần

Q4/25

-9,122

tỷ VNĐ

QoQ: ▼752| -9.0%

YoY: ▼2,176| -31.3%

LN sau thuế

Q4/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲35.2| 154%

YoY: ▲17.7| 329%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

27.4%

+/- YoY: ▲8.1%

DT thuần

2025

-33,246

tỷ VNĐ

YoY: ▼6,108| -22.5%

LN sau thuế

2025

-83.2

tỷ VNĐ

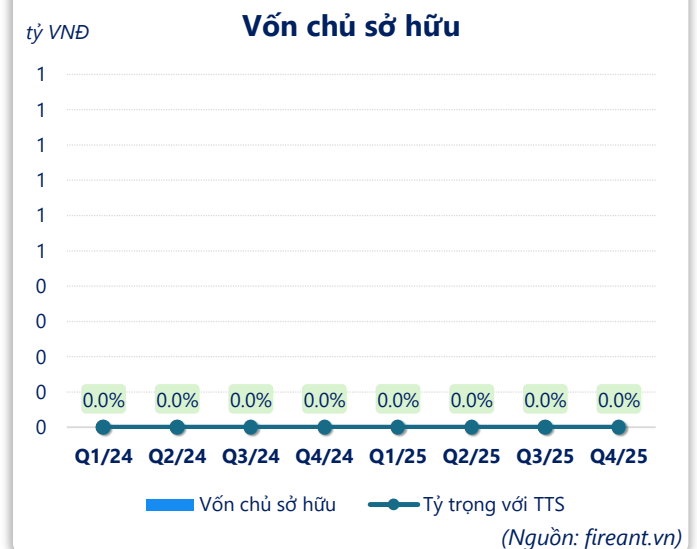
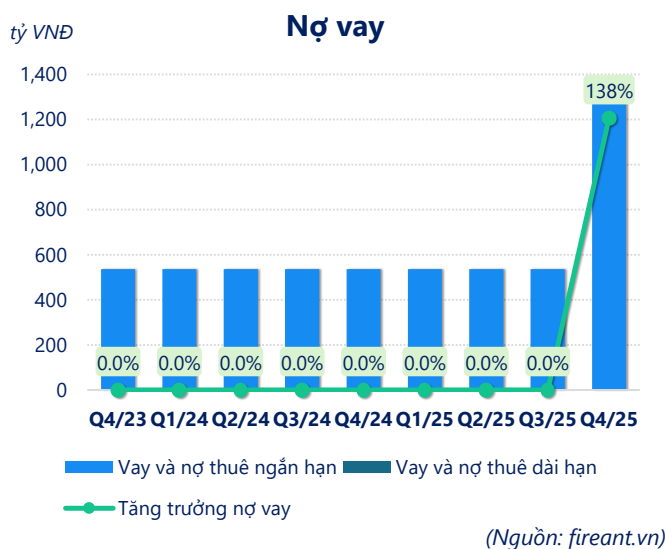
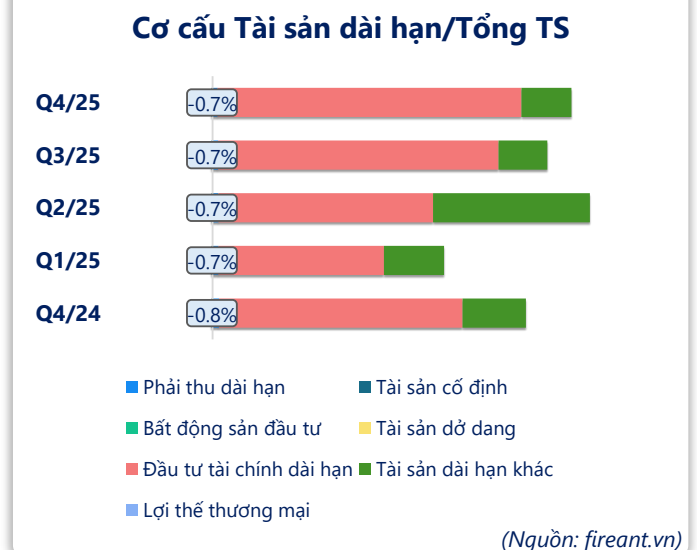
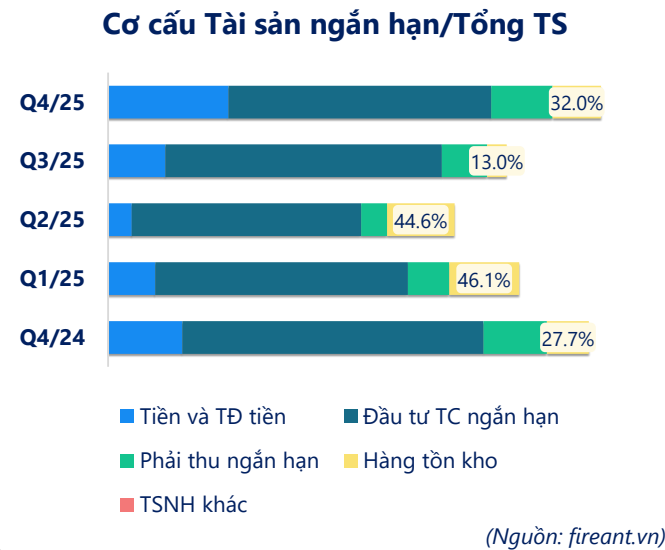
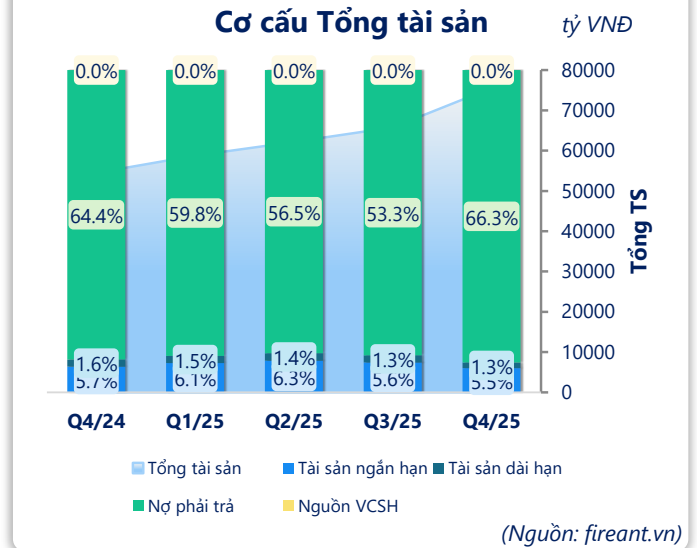
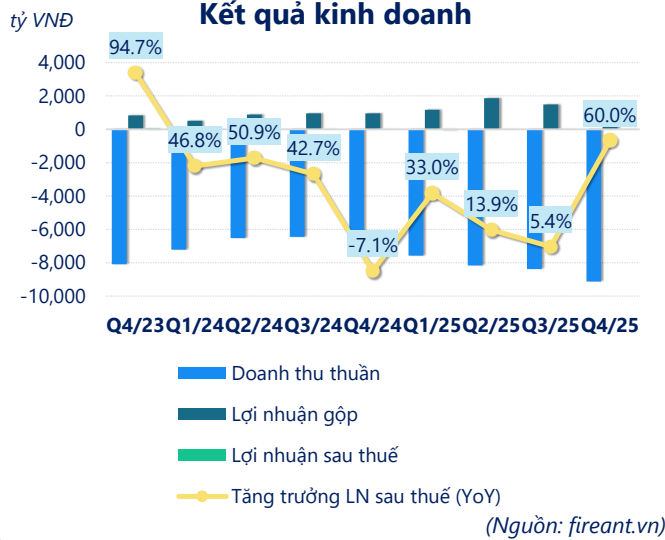
YoY: ▼162| -205%

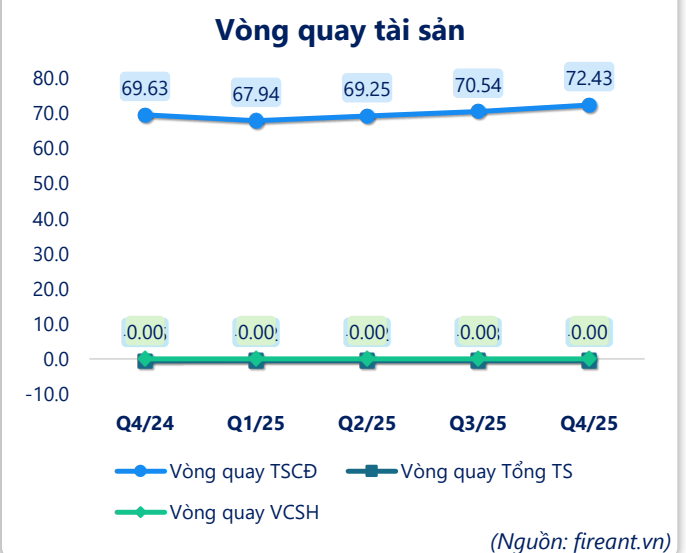
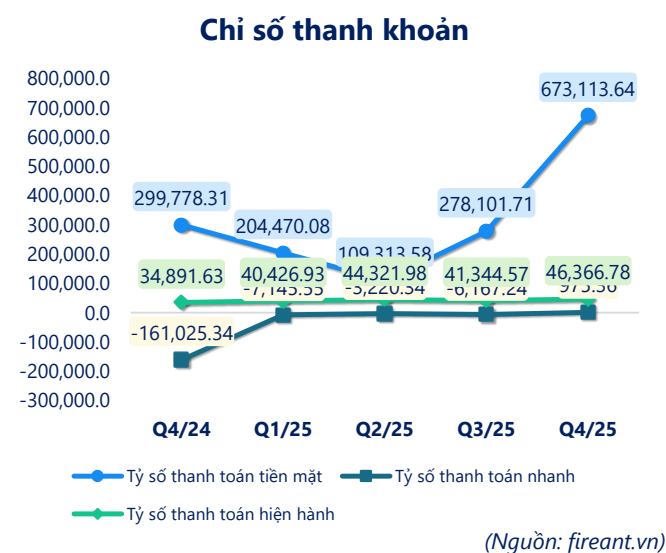
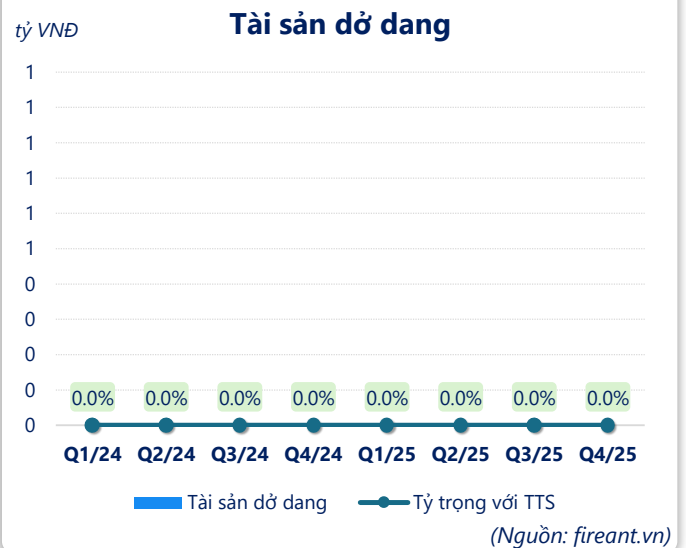
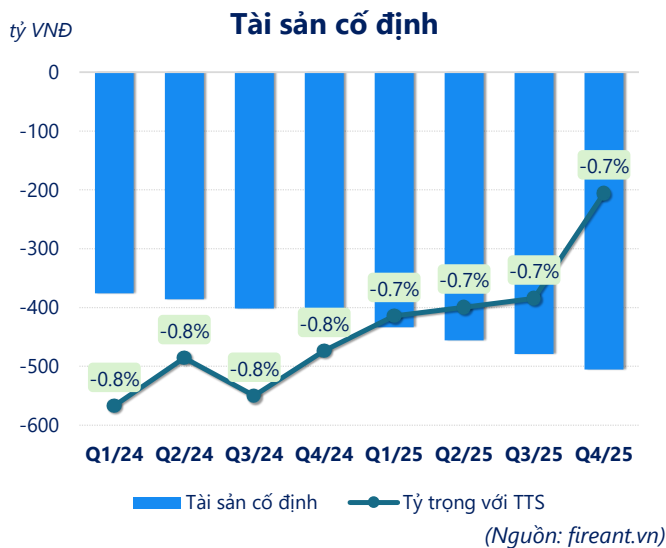
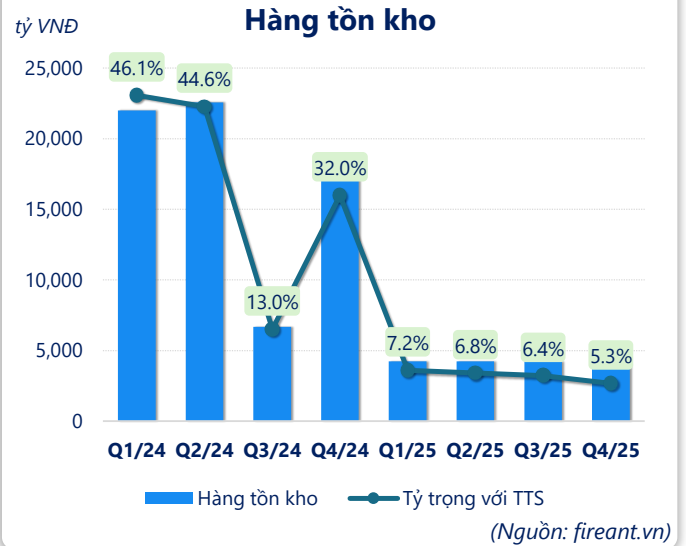
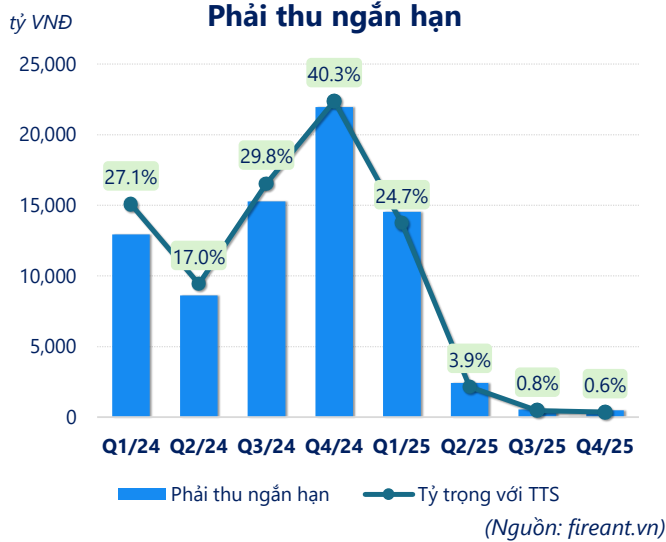
ROE

2025

#VALUE!

#VALUE!





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	54,491	58,743	62,176	65,805	75,549
Tài sản ngắn hạn	3,105	3,598	3,945	3,680	4,127
Tiền và tương đương tiền	26,680	18,198	9,729	24,751	59,907
Đầu tư tài chính ngắn hạn	94,226	117,833	124,358	140,227	156,341
Phải thu ngắn hạn	21,956	14,526	2,411	550	491
Hàng tồn kho	17,437	4,234	4,231	4,229	4,040
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	887	866	889	883	973
Phải thu dài hạn	1,984	1,998	2,058	2,059	2,169
Tài sản cố định	-413	-434	-456	-479	-505
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	74,877	54,798	75,268	104,144	129,409
Tài sản dài hạn khác	19,485	19,891	55,017	18,041	21,332
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	35,101	35,101	35,101	35,101	50,053
Nợ ngắn hạn	0.09	0.09	0.09	0.09	0.09
Vay và nợ thuê ngắn hạn	536	536	536	536	1,275
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)